

**BIÊN BẢN**

**Về việc công khai bản đối chiếu tài chính  
Trường tiểu học An Thái tháng 12/2024**

Thời gian: vào lúc 08h00, ngày 02 tháng 01 năm 2025

Địa điểm: Tại văn phòng trường Tiểu học An Thái

Đã tiến hành lập biên bản niêm yết bản công khai đối chiếu kinh phí ngoài ngân sách T12/2024, các khoản phục vụ lại cho học sinh, đối với các nguồn kinh phí ngoài ngân sách 2024-2025 của trường tiểu học An Thái, niêm yết tại bảng công khai tại văn phòng trường.

**Thành phần lập biên bản:**

- |                            |                      |
|----------------------------|----------------------|
| 1. Đ/c Phạm Thị Thanh Hòa  | – Hiệu trưởng        |
| 2. Đ/c Đỗ Thị Thủy         | – Chủ tịch công đoàn |
| 3. Đ/c Nguyễn Thị Thu Thủy | – Kế toán            |

**Nội dung:**

Trường tiểu học An Thái đã tiến hành lập biên bản niêm yết:

- Bản công khai đối chiếu tài chính T12/2024 gồm có:

- + Thu chi trích lập quỹ phúc lợi tháng 12 /2024
- + Thu chi quỹ dự phòng ổn định tăng thu nhập tháng 12/2024
- + Thu chi quỹ chăm sóc SKBD tháng 12/2024
- + Thu chi quỹ tiền ăn, bảo mẫu, ga, cấp dưỡng Bán trú tháng 12/2024
- + Thu chi tiền buổi 2 tháng 12/2024
- + Thu chi tiền vệ sinh trường lớp tháng 12/2024

Công khai tại bảng công khai văn phòng nhà trường từ ngày 02/01/2025 đến hết 02/02/2025.

Trong thời gian công khai , nếu có ý kiến cần xác minh, giải trình đối với các nội dung công khai xin liên hệ bộ phận chuyên môn liên quan đến nội dung công khai.



**Phạm Thị Thanh Hòa**

Đơn vị công bố thông tin: **Trường Tiểu học An Thái**

- Địa chỉ: Ấp Phú Thịnh I, xã An Thái - Phú Giáo - Bình Dương

- Số điện thoại (nếu có): 02743661604

**CÔNG KHAI THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC : 2024 -2025 ( tháng 12/2024)**

Đơn vị: đồng

| Các khoản thu                                                           | Số tiền           | Sử dụng nguồn thu                                                                                                            | Số tiền    |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>I. Trích lập quỹ phúc lợi</b>                                        |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                                         | 136.800           |                                                                                                                              |            |
| Thu                                                                     | 0                 | Chi                                                                                                                          | 0          |
| Tổng cộng:                                                              | 0                 | Tổng cộng:                                                                                                                   | 0          |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                                                 | <u>136.800</u>    |                                                                                                                              |            |
| <b>II. Quỹ ổn định dự phòng TTN</b>                                     |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                                         | 38.165.833        |                                                                                                                              |            |
| Thu                                                                     |                   |                                                                                                                              | 0          |
| Tổng cộng:                                                              | 0                 | Tổng cộng:                                                                                                                   | 0          |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                                                 | <u>38.165.833</u> |                                                                                                                              |            |
| <b>III. Quỹ CSSKBD</b>                                                  |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                                         | 24.440.909        |                                                                                                                              |            |
| Chăm sóc sức khỏe ban đầu                                               | 0                 |                                                                                                                              |            |
| Tổng cộng:                                                              | 0                 | Tổng cộng:                                                                                                                   | 0          |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                                                 | <u>24.440.909</u> |                                                                                                                              |            |
| <b>IV. Quỹ Tiền ăn bán trú</b>                                          |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                                         | 206.200           |                                                                                                                              |            |
| Thu tiền ăn bán trú tháng 12/2024                                       | 65.760.000        |                                                                                                                              |            |
|                                                                         |                   | Chi tiền mua thực phẩm (gạo, thịt cá, rau, củ quả) đồ gia vị tháng 12/2024 cho Cơ sở cung cấp hàng nông sản Nguyên Thành Đạt | 53.369.890 |
|                                                                         |                   | Chi tiền sữa chua cho công ty Tài Tài tháng 12/2024                                                                          | 9.951.610  |
|                                                                         |                   | Chi tiền mua bánh Flan, Yaourt cho công ty TNHH Thương Mại Tú Linh Bình Phước tháng 12/2024                                  | 2.644.700  |
| Tổng cộng:                                                              | 65.760.000        | Tổng cộng:                                                                                                                   | 65.966.200 |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                                                 | <u>0</u>          |                                                                                                                              |            |
| <b>V. Quỹ công nấu cấp dưỡng, tiền bảo mẫu, quản lý đồ dùng bán trú</b> |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                                         | 1.142.299         |                                                                                                                              |            |
| Thu tháng 12/2024                                                       | 14.190.000        | Tiền quản lý bán trú tháng 12/2024                                                                                           | 1.467.931  |
|                                                                         |                   | Tiền bảo mẫu bán trú tháng 12/2024                                                                                           | 3.620.897  |

|                                        |                    |                                                   |                    |
|----------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------|--------------------|
|                                        |                    | Tiền công nấu tháng 12/2024                       | 4.661.160          |
|                                        |                    | Chuyển bảo hiểm công nấu tháng 12/2024            | 1.666.560          |
|                                        |                    | Chuyển tiền ga nấu tháng 12/2024                  | 1.616.040          |
|                                        |                    | Chuyển tiền đồ dùng vệ sinh nhà bếp tháng 12/2024 | 1.133.161          |
|                                        |                    | Chuyển tiền đóng thuế                             | 1.166.550          |
| <b>Tổng cộng:</b>                      | <b>15.332.299</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>15.332.299</b>  |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                | <b>0</b>           |                                                   |                    |
| <b>VI. Quỹ buổi hai</b>                |                    |                                                   |                    |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b> | <b>100.000.000</b> |                                                   |                    |
| Thu buổi 2 năm học 2024-2025           | 53.795.700         | Chi nộp thuế 2%                                   | 3.075.914          |
|                                        |                    | Chi GV dạy                                        | 123.036.560        |
|                                        |                    | Chi quản lý                                       | 12.303.656         |
|                                        |                    | Chi hoạt động sửa chữa, mua sắm                   | 15.379.570         |
| <b>Tổng cộng:</b>                      | <b>153.795.700</b> | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>153.795.700</b> |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                | <b>0</b>           |                                                   |                    |
| <b>VII. Quỹ Vệ sinh trường lớp</b>     |                    |                                                   |                    |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b> | <b>0</b>           |                                                   |                    |
| Thu tháng 9- tháng 12/2024             | 13.618.000         | Chi tiền đóng thuế TNDN                           | 0                  |
|                                        |                    | Chi tiền công dọn vệ sinh                         | 0                  |
|                                        |                    | Chi mua đồ dùng vệ sinh                           | 0                  |
| <b>Tổng cộng:</b>                      | <b>13.618.000</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                 | <b>0</b>           |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                | <b>13.618.000</b>  |                                                   |                    |

An Thái, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Trưởng ban quản lý quỹ

(Chữ tài khoản)  
TRƯỞNG  
TIỂU HỌC  
AN THÁI  
Phạm Thị Thanh Hòa